PINETREE SECURITIES CORPORATION

20th floor, ROX Tower, 54A Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi

Tel: **024 6282 3535** W: **www.pinetree.vn**

Fax: **024 6275 0077** E: **trading@pinetree.vn**

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH TẠI PINETREE

DERIVATES TRADING FEE SCHEDULE OF PINETREE

Pinetree trân trọng thông báo Biểu phí Dịch vụ Chứng khoán Phái sinh áp dụng tại Pinetree từ ngày 04/03/2025 như sau:

Pinetree would like to announce the Derivatives Trading Fee Schedule applied at Pinetree from 04/03/2025 as follows:

TT *Or.*	**LOẠI PHÍ** *TYPE OF FEE*		**MỨC PHÍ** *FEE*
1	**Phí giao dịch HĐTL chỉ số tại Pinetree** *Index Futures Trading Fee at Pinetree*		
1.1	**Khách hàng mới** *New Customers*		
a	**Hợp đồng tương lai chỉ số**		**Miễn phí 3 tháng đầu tiên không giới hạn số lượng hợp đồng** *Free for the first 03 months with no limit on the number of contracts*
b	**Hợp đồng tương lai TPCP 5 năm, 10 năm**		**5.000 VND/ 1 HĐTL** *5.000 VND/contract*
1.2	**Khách hàng hiện tại** *Existing Customers*		
1.2.1	**Khách hàng thông thường** *Normal Customers*		
a	**Hợp đồng tương lai chỉ số** *Index futures*	**Giao dịch < 200 HĐ/ngày** *Trading <200 contract/day*	**2.000 VND/1 HĐTL** *2.000 VND/contract*
b		**Giao dịch >= 200 HĐ/ngày** *Trading >=200 contract/day*	**1.000 VND/1 HĐTL** *1.000 VND/contract*
c	**Hợp đồng tương lai TPCP 5 năm, 10 năm** *5-year, 10-year Government bond futures*		**5.000 VND/ 1 HĐTL** *5.000 VND/contract*
1.2.2	**Khách hàng VIP (Giao dịch >= 500 HĐTL/ngày)** *VIP customers (Trading >= 500 contracts/day)*		**Thương lượng** *Negotiated*

TT *Or.*	LOẠI PHÍ *TYPE OF FEE*	MỨC PHÍ *FEE*
1.2.3	**Khách hàng được giới thiệu bởi Đối tác** *Customers referred by Partners*	Mức phí giao dịch mặc định ban đầu đối với Khách hàng được giới thiệu tham gia Chính sách là mức lãi suất theo chính sách, biểu phí, lãi suất áp dụng đối với các khách hàng thông thường (không tham gia Chính sách) của Pinetree và có thể được thay đổi theo đăng ký/yêu cầu và/hoặc xác nhận của Khách hàng và Đối tác (như được ghi nhận bởi hệ thống của Pinetree) với điều kiện: - Trường hợp khách hàng giao dịch ít hơn (<) 200 hợp đồng/ngày: phí giao dịch (chưa bao gồm phí trả Sở giao dịch và VSDC) áp dụng với các giao dịch phát sinh trong ngày đó không được thấp hơn (>=) 3.000 đồng/hợp đồng và đồng thời không quá (<=) 10.000 đồng/hợp đồng. Trường hợp khách hàng giao dịch ít nhất (>=) 200 hợp đồng/ngày: phí giao dịch (chưa bao gồm phí trả Sở giao dịch và VSDC) áp dụng với các giao dịch phát sinh trong ngày đó không được thấp hơn (>=) 2.000 đồng/hợp đồng và đồng thời không quá (<=) 10.000 đồng/hợp đồng *The initial default transaction fee for the referred Customer participating in the Policy is the interest rate according to the policy, fee schedule, and interest rate applied to regular customers (not participating in the Policy) of Pinetree, and it can be changed based on the registration/request and/or confirmation of the Customer and the Partner (as recorded by Pinetree's system), provided that:* - *In the case where the Customer trades less than (<) 200 contracts per day: the transaction fee (excluding exchange and VSDC fees) applicable to transactions occurring on that day must not be less than (>=) 3,000 VND per contract and simultaneously not exceed (<=) 10,000 VND per contract.* *In the case where the customer trades at least (>=) 200 contracts per day: the transaction fee (excluding exchange and VSDC fees) applicable to transactions occurring on that day must not be less than (>=) 2,000 VND per contract and simultaneously not exceed (<=) 10,000 VND per contract.*
2	**Phí giao dịch thu hộ Sở Giao dịch Chứng khoán** *Trading fees collected on behalf of the Stock Exchange*	
2.1	**HĐTL chỉ số** *Index futures*	**2,700 VND/1 HĐTL** *2,700 VND/contract*
2.2	**HĐTL Trái phiếu Chính phủ** *Government bond futures*	**4,500 VND/1 HĐTL** *4,500 VND/contract*

TT *Or.*	LOẠI PHÍ *TYPE OF FEE*	MỨC PHÍ *FEE*
3	**Các loại phí thu hộ VSDC** *Fee collected on behalf of VSDC*	
3.1	**Phí quản lý vị thế** *Position management fee*	**2,550 VND/Hợp đồng/Tài khoản/Ngày** *2,550 VND/Contract/Account/Day*
3.2	**Phí quản lý tài sản ký quỹ** *Margin asset management fees*	**(0.0024% * Giá trị lũy kế số dư tài sản ký quỹ) / Tài khoản / Tháng** **Tối thiểu 100,000 VND/Tháng** **Tối đa 1,600,000 VND/Tháng** *(0.0024% * Cumulative value of margin balance) /Account /Month* *Minimum 100,000 VND/Month* *Maximum 1,600,000 VND/Month*
4	**Phí nộp/rút tiền ký quỹ phái sinh** *Fees for margin deposit/withdrawal*	**Theo biểu phí ngân hang (Hiện tại 5,500 VND/giao dịch)** *According to bank fee schedule (Currently 5,500 VND/transaction)*
5	**Thuế Thu nhập cá nhân** *Personal income tax*	**0.1% * (Khối lượng HĐ * Giá thanh toán HĐ * Hệ số nhân hợp đồng * Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của VSDC)/2** *0.1% * (Contract volume * Contract settlement price * Contract multiplier * VSDC initial margin rate)/2*

*Lưu ý/ *Note*:

1. Mục 1, "Phí giao dịch HĐTL chỉ số tại Pinetree", được tính một mức cho tổng số hợp đồng giao dịch trong ngày. Ví dụ Khách hàng giao dịch 210 hợp đồng trong ngày thì mức phí giao dịch phát sinh được tính bằng 210 x 1000 VND = 210,000 VND.

"Index futures trading fees at Pinetree" is calculated at one rate for the total number of contracts traded during the day. For example, if a customer trades 210 contracts in a day, the transaction fee incurred is calculated as 210 x 1000 VND = 210,000 VND.

2. "Khách hàng mới" là tất cả Khách hàng lần đầu mở thành công tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh tại Pinetree, ngoại trừ Khách hàng được giới thiệu bởi Đối tác thuộc "Chương trình Phát triển Khách hàng" của Pinetree.

"New customers" are any customers who successfully open a derivatives trading account at Pinetree for the first time, except for customers referred by Partners under Pinetree's "Customer Development Program".

3. Mức phí áp dụng đối với Khách hàng mới sau 03 tháng mở thành công tài khoản tại Pinetree sẽ tương tự như Khách hàng hiện tại theo mục 1.2 của Biểu phí này.

The fees applicable to new customers after 03 months of successfully opening an account at Pinetree will be the same as those for existing customers, as specified in Section 1.2 of this Fee schedule.

4. Các loại phí từ mục 2 đến mục 5 áp dụng chung cho toàn bộ đối tượng Khách hàng/ *Fees from section 2 to 5 apply to all Customers.*